TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAM RANH** **TỈNH KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH, TỈNH KHÁNH HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Bảy Nhuận**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Nam Lương**
  Bà **Phan Thị Hồng**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Hền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Nhật -** Kiểm sát viên.

Từ ngày 29 đến ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **D**, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà T – Văn phòng Luật sư T thuộc đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Bị đơn: Bà **H**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ dân phố F, phường S, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố R, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **T**, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: Số 02 H, phường R, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông K - chức vụ: Giám đốc N - Chi nhánh thành phố R - Phòng giao dịch B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022, bản tự khai nguyên đơn ông D trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình, chúng tôi tổ chức cưới hỏi rồi đi đến D ký kết hôn và được UBND phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/2013 quyển số 01/2012 ngày 26/6/2013. Quá trình chung sống với nhau, ông và bà H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông và bà H bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Ông và bà H đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai kể từ tháng 10/2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông và bà H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Giữa ông và bà H có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 21/3/2014 và cháu L, sinh ngày 04/5/2021. Hiện nay, ông đang nuôi dưỡng giao dục con chung N nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Giao con chung L cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con chung L mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Giữa ông và bà H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Đối với yêu cầu độc lập của N và bà T ông không liên quan vì đây là khoản vay riêng của bà H.

Tại bản tự khai đề ngày 07/7/2022 bị đơn bà H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà đồng ý giao con chung N, sinh ngày 21/3/2014 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Bà sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung L, sinh ngày 04/5/2021. Bà yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung L với số tiền 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi với lý do con chung L còn quá nhỏ, bản thân bà không có công việc ổn định, cháu L thường xuyên bị bệnh, hàng tháng phải đưa cháu đi khám định kỳ theo sự chỉ dẫn của bác sĩ bệnh viện Nhi Đồng 1 ở thành phố Hồ Chí Minh.

- Về tài sản chung: Hùn vôn trồng keo ở Bắc Ái, nuôi cá giống chung với bạn, từ năm 2015 đến năm 2022 chơi huê (mỗi tháng đóng 04 triệu đồng), 01 chiếc xe Airblade mua năm 2020.

Về nợ chung: Số tiền nợ ngân hàng N, số tiền nợ ở ngân hàng Home, số tiền nợ ở cơ quan và các khoản nợ ngoài vì đây là các khoản nợ dùng để sinh hoạt phục vụ đời sống hằng ngày. Với hàng tháng ông D không chăm lo đời sống gia đình, không phụ vợ lo cuộc sống. Với mức lương của vợ có 03 triệu nhưng vợ phải lo từ gia đình đến con nên vợ phải làm kinh doanh ngoài nên dẫn đến các

khoản nợ trên. Đây là các khoản nợ để phục vụ đời sống chăm lo cho gia đình.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 04/10/2022, bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T trình bày:

Bà H và ông D có vay của bà số tiền 250.000.000 đồng cụ thể như sau:

Ngày 12/10/2017 bà H có mượn của bà số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 03/12/2018 bà H có mượn của bà số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 22/7/2018 bà H có mượn của bà số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 19/11/2019 bà H có mượn của bà số tiền 120.000.000 đồng

Bà đã yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H không chịu trả. Đây là số tiền nợ chung của hai vợ chồng ông D và bà H.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà H phải trả cho bà số tiền nợ trên và yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/11/2019 đến nay.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 11/10/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 08/02/2018, Ngân hàng N, Khánh Hòa – Phòng giao dịch Ba Ngòi đã ký kết hợp đồng vay vốn số: 4702-LAV-201800489/HĐTD với bà H. Ngân hàng đã cấp tín dụng với số tiền là 50.000.000 đồng để mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay vốn là 60 tháng. Thời hạn cuối cùng của khoản vay: Ngày 08/02/2023. Khoản vay trên được ngân hàng cho vay tín chấp.

Dư nợ gốc và lãi đến ngày 10/10/2022 là 8.640.000 đồng trong đó tiền nợ gốc là 8.400.000 đồng, lãi là 240.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà H và ông D phải trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ gốc, lãi nói trên và số tiền lãi phát sinh từ ngày 16/11/2022 đến ngày trả hết nợ.

Ngày 09/3/2023 Ngân hàng N đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập với lý do bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với yêu cầu độc lập của bà T để nghị Tòa án xác định đây là khoản nợ riêng của bà H không liên quan gì đến ông D.

Bị đơn bà H trình bày: Bà đồng ý ly hôn với ông D; về con chung bà đồng ý giao con chung N, sinh ngày 21/3/2014 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu L, sinh ngày 04/5/2021 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu L với số tiền 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 4 năm 2023 cho tới khi cháu L đủ 18 tuổi. Về tài sản chung bà không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Khoản nợ tại Ngân hàng N bà đã thanh toán xong, còn số tiền nợ 250.000.000 đồng đối với bà T thì bà xin được trả dần với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho tới khi trả hết số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày: Bà đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của bà buộc ông D và bà H phải trả một lần số tiền 250.000.000 đồng cho bà và trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ

ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến khi ông D và bà H trả hết khoản nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D; về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông D và bà H; về con chung: Giao con chung N, sinh ngày 21/3/2014 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao con chung L, sinh ngày 04/5/2021 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông D cấp dưỡng nuôi con chung L với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho tới khi cháu L đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng N; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà T buộc bà H phải trả toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày xét xử xong vụ án. Về án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: "Ly hôn", do bị đơn là bà H hiện nay đang cư trú tại phường C, thành phố Cam Ranh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà H tự nguyện chung sống, có D ký kết hôn ngày 26/6/2013 tại UBND phường C, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa hai vợ chồng tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D, cho ông D ly hôn bà H để tạo điều kiện cho hai bên ổn định cuộc sống riêng.

[3.2] Về con chung: Ông D và bà H có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 21/3/2014 và cháu L, sinh ngày 04/5/2021. Các đương sự thống nhất thỏa thuận

giao cháu N cho ông D trược tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu L, ông D yêu cầu được cấp dưỡng nuôi cháu L với số tiền 1.000.000 đồng/ tháng, bà H yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu L với số tiền 2.000.000 đồng/ tháng. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng của ông D và bà H. Tuy nhiên, ông D đã phải trực tiếp nuôi dưỡng cháu N nhưng ông D cũng có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con chung L nên chấp nhận yêu cầu này với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho tới khi cháu L đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Nguyên đơn không thừa nhận khoản nợ chung 250.000.000 đồng bà H đã mượn của bà T, bà H thừa nhận có mượn của bà T số tiền 250.000.000 đồng và xin được cùng với ông D trả dần hàng tháng số nợ chung này. Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T về việc yêu cầu ông D và bà H cùng liên đới trả một lần số tiền nợ chung nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tất cả các giấy vay tiền được lập từ năm 2017 đến năm 2019 chỉ có một mình bà H là người ký vào giấy mượn tiền, bà H cũng thừa nhận chỉ có một mình bà ký giấy mượn tiền, nội dung các giấy mượn tiền không ghi rõ mục đích vay là gì, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H và bà T không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng, mặt khác bà H và bà T đều thừa nhận ông D không biết bà H mượn số tiền này nên Hội đồng xét xử xác định số tiền 250.000.000 đồng bà H mượn của bà T không phải là nợ chung của hai vợ chồng nên chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà T, buộc bà H phải trả toàn bộ khoản nợ trên cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử xong vụ án 30/3/2023 là 03 tháng = 250.000.000đ x 10%/năm x 03 tháng = 6.250.000 đồng.

[4] Ngân hàng N đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

**** Áp dụng:*** - Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

**** Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông D và bà H.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu N, sinh ngày 21/3/2014 cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu L, sinh ngày 04/5/2021 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung L với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng cho bà H kể từ tháng 4 năm 2023 đến khi con chung L đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T buộc bà H phải trả cho bà T toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/3/2023 là 256.250.000 đồng *(Hai trăm năm sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* trong đó: Tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)* và số tiền lãi là 6.250.000 đồng *(Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng N.

4. Về án phí:

- Ông D phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2021/0007135 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Như vậy, ông D còn phải nộp số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Bà H phải nộp 12.812.500 đồng *(Mười hai triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà T số tiền 6.250.000 đồng *(Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2021/0007339 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh.

- Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2022/0000281 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**** Quy định:***

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cam Ranh;
- Chi Cục THADS Tp. Cam Ranh;
- UBND phường Cam Lộc
(số 27/2013 ngày 26/6/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảy Nhuận